

## **Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT KINH TẾ**

### **1. Khái niệm**

- PLKT là tổng thể các quy phạm pháp luật hướng tới điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức quản lý và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2. Nội dung chủ yếu của plkt**

- Xác lập và bảo đảm sự quản lý của NN đv nền kt
- Xáp lập và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các t/c, cá nhân

#### **2.1: Xác lập và bảo đảm sự quản lý của NN đv nền kt**

##### **❖ K/n:**

Quản lý NN về kt là sự quản lý của NN, thông qua các CQNN có thẩm quyền (nhân danh quyền lực của NN) đối với toàn bộ nền kt qđ, trên tất cả các lĩnh vực, các ngành kt, các lãnh thổ kt, các tptk và các chủ thể tham gia các qh kt.

##### **❖ Đ/d:**

- Về chủ thể:
  - + NN thực hiện thông qua cqnn có thẩm quyền
  - + trực tiếp: CP, UBND các cấp
  - + gián tiếp: QH, HĐND, VKSND, TAND
- Về phạm vi: quản lý vĩ mô nền kt qđ, hđ ngành nghề...
- Công cụ khác nhau trong đó tập trung nhất là PL và các chế độ, c/s...
- Hình thức quản lý: ban hành các vb QPPL
- Mục đích: nhằm thiết lập và duy trì trật tự trong qlnn về kt
- Xác lập và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các t/c cá nhân
- Nguồn luật áp dụng điều chỉnh: Luật hành chính và Luật kinh tế

##### **❖ N/d:**

- Xđ chiến lược phát triển kt, quy hoạch kt theo ngành và vùng lãnh thổ dài hạn, trung hạn, ngắn hạn
- Xđ các c/s, chế độ quản lý cụ thể hóa bằng các vb qppl
- Tạo và cải thiện MT pháp lý, MT chính trị, MT LP, MT sinh thái... Hướng dẫn điều tiết và phối hợp các hđ kd...
- Kiểm tra, giám sát các hđ kt
- Xđ và thực hiện chiến lược đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kt...

##### **❖ Các cq ql nn về kt:**

- CQ tham gia quản lý NN về kt: có 4 loại cq theo chức năng và quyền hạn: quyền lực, hành chính, kiểm soát, xét xử... có vai trò và mức độ tham gia khác nhau
- CQ trực tiếp quản lý: CP, UBND

#### **2.2: Xác lập và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các t/c, cá nhân:**

##### **➤ Đ/d:**

- Quyền tự do kd là q cơ bản của cd đc qđ trong HP, cd có quyền tự do kd trong khuôn khổ của PL
- Quyền và NV cb đc qđ trong HP là cơ sở làm phát sinh quyền và NV khác quy định trong các vb qpl khác
- Quyền tự do kd đc qđ trong PL kt
- **N/d:**
  - Ghi nhận quyền tự do và sự bình đẳng của mọi chủ thể trong các hđ đầu tư kd
  - Bảo đảm an toàn cho các nhà đầu tư kd
  - Bảo đảm sự vận động nhanh chóng của các nguồn vốn đầu tư
  - Bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh khi có các tranh chấp hoặc vi phạm.



## Chương 2: PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

### 1. Chủ thể kinh doanh

**K/n:**

- Chủ thể kinh doanh là những chủ thể thực hiện trên thực tế các hành vi kinh doanh. Lấy hđ kd làm mục tiêu chính của mình.
- Chủ thể kinh doanh là các t/c, cá nhân thực hiện hđ kd theo qđ của pl.

**Đ/d:**

- Chủ thể kd có vốn đầu tư kd:
  - Vốn đầu tư kd là đk cần của chủ thể kd
  - Các ht của vốn đầu tư kd: tiền, bí quyết CN, tài sản khác...
  - Nguồn hình thành vốn đầu tư kd: VCSH hoặc huy động vốn từ các t/c, cá nhân khác
- Chủ thể kd thực hiện hành vi kd  
 Điều 4 khoản 2 Luật DN qđ: *Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sx đến tiêu thụ sp hoặc cung ứng dv trên thị trường nhằm mđ sinh lợi.*
- Chủ thể kd thực hiện hạch toán kd
- Chủ thể kd thực hiện NV nộp thuế vào ngân sách NN.

### 2. Phân loại chủ thể kd:

*Dựa trên nhiều phương diện, tiêu thức, góc độ, căn cứ khác nhau:*

- Căn cứ vào nguồn luật điều chỉnh và hình thức pháp lý chủ thể kd:
  - CTKD theo qđ của Luật DN
  - CTKD khác
- Căn cứ vào phạm vi trách nhiệm tài sản trong kd:
  - CTKD gắn với chế độ trách nhiệm hữu hạn về tài sản trong kd
  - ----- vô hạn -----

	Chế độ TNHH về TS trong KD	Chế độ TNVH về TS trong KD
Thuận lợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tán RR</li> <li>- Thuận lợi cho việc huy động vốn</li> <li>- KK I, mạo hiểm → đảm bảo cân đối nền kt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ thể kd có khả năng huy động vốn vay lớn hơn số vốn đầu tư vào kd</li> </ul>
Hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị giới hạn trong phạm vi số vốn đầu tư vào kd và &lt; tổng TS của CSH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị hạn chế trong tổng số TS thuộc quyền SH, quản lí của chủ thể kd</li> <li>- Ko KK nhà I bỏ vốn I vào KD, I vào lĩnh vực mạo hiểm mặc dù nó rất cần thiết</li> </ul>

		cho nền kt
--	--	------------

➤ Căn cứ vào ht t/c quản lí kd:

- Doanh nghiệp
- HTX
- Hộ kinh doanh
- Chủ thể kd ko đăng kí kd

### **3. Các chủ thể kinh doanh theo quy định của luật DN**

- Cty TNHH 1 tv
- Cty TNHH 2 tv trở lên
- Cty cổ phần
- Cty hợp danh
- Doanh nghiệp tư nhân

#### **2.1: Quy chế pháp lí chung về DN**

- Theo qđ tại Điều 4 khoản 1 Luật DN 2005: *Doanh nghiệp là t/c kt có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kd theo qđ của pl nhằm mđ thực hiện các hđ kd.*

2.1.1: Thành lập DN và đăng kí kd:

2.1.1.1: Quyền thành lập và quản lí DN: *Điều 13 Luật DN qđ: t/c cá nhân Việt Nam, nước ngoài có quyền thành lập và quản lí DN tại Việt Nam, trừ các TH sau: ...*

2.1.1.2: Trình tự đăng kí DN:

2.1.1.3: Cung cấp thông tin về nd đăng kí DN

2.1.1.4: Công bố nd đăng kí DN

2.1.2: Quyền và Nghĩa vụ của DN

2.1.2.1: Quyền của DN

#### **2.2: Công ty**

- K/n: *Công ty là DN do 1 hay nhiều tv góp vốn để thành lập*

- *Hoạt động kd chủ yếu của cty chủ yếu vì lợi nhuận*

- *Có 2 loại:*

##### **1. Cty đối nhân:**

- *Các tv ít quan tâm đến phần vốn góp của nhau, chỉ quan tâm nhân thân của các thành viên*
- *Chịu trách nhiệm vô hạn hoặc liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ trong kd của cty*
- *Có 2 loại: cty hợp vốn đơn giản vs cty hợp danh*



## 2. Cty đối vốn:

- Các tv chỉ quan tâm đến phần vốn góp của nhau mà ko quan tâm đến nhân thân của các tv
- Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn góp
- Có 2 loại: Cty CP vs Cty TNHH

❖ Cty TNHH 2 tv trở lên

❖ Cty TNHH 1tv

### CTY TNHH 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

#### 1. Khái niệm, đặc điểm:

Theo qđ của Luật DN, cty TNHH 2 tv trở lên là DN có những đặc điểm sau:

- Về thành viên: 2-50
- Về trách nhiệm tài sản trong kd:
  - Chế độ trách nhiệm hữu hạn về tài sản trong kd.
  - Cty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nv tài sản khác bằng TS của cty.
  - Tv cty chịu trách nhiệm ... bằng số vốn cam kết góp vào cty.
- Về chuyển nhượng phần vốn góp: 1 phần hoặc toàn bộ, nhưng phải ưu tiên chuyển nhượng cho các tv còn lại của cty.
- Về tư cách chủ thể: cty có tư cách pháp nhân kể từ ngày đc cấp giấy chứng nhận đk DN.
- Về khả năng huy động vốn: cty ko đc phép phát hành CP.

#### 2. Cơ cấu, t/c quản lí

HĐTV, Chủ tịch HĐTV, GD v TGD, Ban kiểm soát (nếu có)

- **Hội đồng thành viên**
  - Gồm các tv, là cq có quyền qđ cao nhất của cty.
  - Tv là t/c chỉ định người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐTV.
- **Chủ tịch HĐTV**
  - Do HĐTV bầu, có thể kiểm GD hoặc TGD cty.
  - Nhiệm kì ko quá 2 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kì không hạn chế.
  - Trong TH CT HĐTV là Đại diện theo PL thì các giấy tờ GD phải ghi rõ điều đó.
- **Giám đốc v TGD:** là người đại diện theo PL của cty.
- **Ban kiểm soát:** là cq thay mặt các tv của cty kiểm soát các hđ của cty (bắt buộc phải thành lập trong TH cty có  $\geq 11$  tv).

#### 3. Quy chế pháp lí về tài sản

- **Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp**

**Vốn điều lệ:** là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và đc ghi vào điều lệ Cty.

(Đọc thêm GT)

**Vốn pháp định:** là mức vốn góp tối thiểu của các thành viên vào DN do PL qđ đv 1 số ngành nghề KD (Tiền tệ, Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán...)

- **Mua lại phần vốn góp**
- **Chuyển nhượng phần vốn góp**

- **Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác**
- **Tăng, giảm vốn điều lệ**
  - **Tăng:** Tăng vốn góp của các thành viên
  - Điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của Cty.
  - Tiếp nhận phần vốn góp của thành viên mới.
  - **Giảm:** Hoàn trả 1 phần vốn góp cho tv theo tỉ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ...
  - Mua lại phần vốn góp theo qđ của PL
  - Điều chỉnh mức giảm vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của Cty.
- **Điều kiện để chia lợi nhuận:** Cty chỉ đc chia lợi nhuận cho các thành viên khi Cty KD có lãi và đã hoàn thành các NV thuế cũng như NV tài chính khác đồng thời cần đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các NV tài sản khác.

### CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN:

#### **1. Khái niệm, đặc điểm:**

Cty TNHH 1 thành viên là DN có những đặc điểm sau:

- *Về thành viên Cty:* do 1 t/c hoặc cá nhân đầu tư vốn thành lập và làm CSH.
- *Về trách nhiệm tài sản trong kd:* CSH của cty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nv tài sản khác của cty trong phạm vi số vốn điều lệ của cty.
- *Về chuyển nhượng phần vốn góp:* CSH của Cty có q chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho t/c hoặc cá nhân khác theo qđ của PL.
- *Về tư cách chủ thể:* Cty TNHH 1 tv có tư cách pháp nhân kể từ ngày đc cấp Giấy CN đkí DN.
- *Về khả năng huy động vốn:* Cty TNHH 1 tv KO đc phát hành cổ phần.

#### **2. Cơ cấu t/c quản lý của cty**

##### **➤ Cơ cấu quản lý cty TNHH 1 tv là t/c:**

- CSH của cty có thể bổ nhiệm 1 người hoặc 1 số người đại diện theo ủy quyền và nghĩa vụ của CSH theo qđ của Luật DN và PL lq.
- **CSH cty** có thể thay thế người đại diện theo ủy quyền bất cứ khi nào.
- TH có ít nhất 2 ng đc ủy q thì cơ cấu t/c quản lý của cty bao gồm: **HĐTV, GD v TGD, Kiểm soát viên.**
- TH có 1 ng đc ủy q thì ng đó làm Chủ tịch cty → TP: **Chủ tịch cty, GD hoặc TGD, Kiểm soát viên.**
- **CSH cty** chỉ định **Chủ tịch HĐQT.**
- **HĐTV** và **Chủ tịch cty** chịu trách nhiệm trước PL và CSH cty về việc thực hiện các q và nv đc giao theo qđ của PL.
- **GD v TGD:** đc thuê hoặc bổ nhiệm bởi HĐQT hoặc Chủ tịch Cty; chịu trách nhiệm trước PL, HĐQT, Chủ tịch cty về TH q và nv của mình.

- **Kiểm soát viên:** CSH Cty bổ nhiệm đến 3 KSV với nhiệm kì ko quá 3 năm; chịu trách nhiệm trước PL và **CSH Cty** về q và nv của mình; KSV ko phải là ng có lq của HĐQT, Chủ tịch Cty, GD v TGD, ng có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm KSV.

➤ **Cơ cấu quản lí cty TNHH 1 tv là cá nhân:**

- **Cơ cấu:** Chủ tịch Cty, GD v TGD
- CSH cty đồng thời là Chủ tịch cty
- Chủ tịch Cty v GD v TGD là ng đại diện theo PL của cty theo qđ tại Điều lệ Cty.
- Chủ tịch Cty có thể kiêm hoặc thuê ng khác làm GD v TGD.

**3. Quy chế pháp lí về tài sản của Cty:**

- CSH phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn.
- Phải xđ và tách biệt TS của CSH cty vs TS của cty.
- Phải tuân thủ PL về HĐ, và các GD khác giữa cty vs CSH cty.
- CSH cty chỉ đc quyền chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho t/c hoặc cá nhân khác; TH chuyển nhượng dưới ht khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ TS khác của cty.
- CSH của cty KO đc rút lợi nhuận khi cty khi KO thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ TS khác khi đến hạn.
- Cty TNHH 1 tv KO đc giảm vốn điều lệ.
- Cty TNHH 1 tv tăng vốn điều lệ bằng việc CSH cty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của ng khác. TH tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của ng khác, Cty phải đki chuyển đổi Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY HỢP DANH

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

HỢP TÁC XÃ

Độc GT PLKT

**1. Khái niệm:**

- HTX là t/c kt tập thể, đồng SH, do ít nhất 7 tv tự động thành lập và hợp tác, tương trợ lẫn nhau trong HĐ SXKD, tạo đc việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của tv trên cơ sở tự chủ, tự chịu TN, bình đẳng, dân chủ của HTX.

**2. Đặc điểm:**

- Thành viên: có ít nhất 7 tv cá nhân, hộ gđ, pháp nhân
- Cá nhân là tv HTX có thể là cd VN hoặc ng nước ngoài cư trú hợp pháp tại VN từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi đầy đủ.
- T/c là tv của HTX phải là pháp nhân VN, có thể tạo việc làm cho các tv là các cá nhân khác.
- HTSH: Tập thể
- Ko phụ thuộc vốn góp
- Có tư cách pháp nhân, chịu TNHH trong KD
- Quy chế pháp lí về TS: Vốn góp thành viên

- Thời hạn góp vốn của các tv ko quá 6 tháng kể từ ngày HTX đc cấp GCN DDKKD hoặc từ ngày tv đó đc kết hợp.
- T/c lại và giải thể HTX: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể.

**HỘ KINH DOANH**





## Chương 2: PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

(Nguồn: HSC-HVTC)

### 1. Khái quát về chủ thể kinh doanh:

\_ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

\_ Đặc điểm của chủ thể kinh doanh:

- Có vốn đầu tư kinh doanh = Vốn chủ sở hữu + Vốn huy động

Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động
<p>_ Gồm: Vốn góp ban đầu + Vốn bổ sung từ NI + Vốn góp thêm của chủ sở hữu</p> <p><b><i>_ Đối với DN tư nhân: Vốn góp ban đầu không được gọi là Vốn điều lệ, mà chỉ gọi là Vốn góp ban đầu.</i></b></p> <p><b><i>_ Vốn pháp định chỉ quy định cho DN hoạt động KD trong lĩnh vực đặc biệt.</i></b></p>	<p>_ Gồm: Vốn vay + P.hành TP + ...</p>

- Thực hiện hợp đồng kinh doanh
- Thực hiện công tác hoạch toán KD
- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho NSNN

\_ Phân loại chủ thể kinh doanh:

- Theo luật định: + DN = Công ty ( C.ty TNHH, C.ty cổ phần, C.ty hợp danh) + DN tư nhân

+ Chủ thể KD khác: Hợp tác xã, hộ kinh doanh

- Theo phạm vi trách nhiệm TS trong kinh doanh:

Chủ thể có TNHH về TS trong KD	Chủ thể có TN vô hạn về TS trong KD
<p>_ Chủ sở hữu và đồng chủ sở hữu chỉ chịu TNHH về TS trong KD</p> <p>_ Có sự tách bạch rõ ràng giữa TS của chủ sở hữu và chủ thể KD</p> <p>_ <b>Ưu:</b> có thể phân tán được rủi ro từ ng góp vốn sang chủ nợ → dễ dàng huy động vốn góp từ các cá nhân, tổ chức</p> <p>_ <b>Nhược:</b> hạn chế trong việc huy động vốn vay để bổ sung ng vốn kinh doanh</p>	<p>_ Có ít nhất 1 thành viên chịu TN vô hạn về TS trong KD</p> <p>_ Không có sự tách bạch rõ ràng giữa TS của chủ thể KD và chủ sở hữu</p> <p>_ <b>Ưu:</b> Có khả năng huy động vốn vay lớn hơn số vốn đầu tư vào KD</p> <p>_ <b>Nhược:</b> không khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn vào đầu tư trực tiếp</p>

- Theo hình thức tổ chức hoạt động KD: DN; Hợp tác xã; Hộ kinh doanh; #

### 2. Quy chế pháp lý chung về doanh nghiệp

\_ Dn là tổ chức kinh tế có tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được đ.ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

\_ Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh:

- Điều 13 – luật Dn 2005: Mọi tổ chức, cá nhân VN và nước ngoài đều có quyền thành lập và quản lý Dn tại VN. Trừ các trường hợp cấm.

- Trình tự đăng ký kinh doanh:

+ Nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét hồ sơ đăng ký KD và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc.

+ **Thời hạn cấp giấy đăng ký KD là 5 ngày**

+ **Cơ quan cấp giấy : phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh**

- Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh:

+ **Do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp** cho cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác

- Công bố nội dung đăng ký kinh doanh:

+ **Do Dn công bố thông qua các phương tiện truyền thông**

+ Nội dung công bố: Tên Dn, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ...

### 3. Công ty

\_ Phân loại:

Công ty đối nhân		Công ty đối vốn
<p>_ Không có sự tách bạch rõ ràng giữa TS của công ty và TS các thành viên ( chủ sở hữu công ty) → Các thành viên chịu TN vô hạn về TS trong kinh doanh</p> <p>_ Các thành viên trong c.ty là ng quen biết nhau</p> <p>_ Gồm: C.ty hợp danh và C.hợp vốn giản đơn</p>		<p>_ Có sự tách bạch rõ ràng giữa TS của công ty và TS của thành viên c.ty ( chủ sở hữu) → Các thành viên chịu TNHH trong phần vốn góp của mình</p> <p><b>Có tư cách pháp nhân</b></p> <p>_ Các thành viên của c.ty đối vốn thường đồng</p> <p>_ Gồm: C.ty cổ phần và công ty TNHH</p>
C.ty hợp danh	C.ty hợp vốn g.đơn	
<p>_ Các tv cùng nhau tiến hành hoạt động KD và cùng chịu TN vô hạn về TS</p>	<p>_ <b>Có ít nhất 1 tv chịu TN vô hạn( Tv nhận vốn)</b> và các Tv góp vốn chỉ chịu TNHH</p>	

\_ Sự cần thiết phải thành lập công ty:

+ Xuất phát từ nhu cầu **vốn cho kinh doanh**

+ Xuất phát từ nhu cầu **phân tán rủi ro**

+ Xuất phát từ nhu cầu *cạnh tranh*

Công ty	Thành viên	TN TS	Tư cách chủ thể	Gọi vốn	TC quản lý	Khác
<b>TNHH 2 thành viên</b>	<p>_ Tổ chức; Cá nhân</p> <p>_ Số lượng: 2-50 người</p> <p>→ <i>Không quá 50 người.</i></p>	<b>Hữu hạn về số vốn góp cam kết vào c.ty</b>	Có tư cách pháp nhân kể từ ngày cấp giấy c.nhận đ.ký k.doanh	Không được quyền phát hành cổ phần	<p>_ HĐ T.viên</p> <p>_ Chủ tịch HĐQT</p> <p>_ GD; TGD</p> <p>_ B.kiểm soát( bắt buộc trên 11 tv)</p>	<p>_ Yêu cầu mua lại phần vốn góp: do thành viên yêu cầu...</p> <p>_ Chuyển nhượng vốn góp: ưu tiên cho tv còn lại của c.ty, trừ tr hợp các tv còn lại ko mua or ko mua hết thì chuyển nhượng cho ng khác.</p> <p>_ GD; TGD là đại diện theo PL của c.ty</p> <p>_ Được quyền tăng, giảm VDL</p>
<b>TNHH 1 thành viên</b>	<p>_ Tổ chức; Cá nhân</p> <p>_ Số lượng: 1</p>	Hữu hạn trong phạm vi <b>Vốn điều lệ</b> của c.ty	Có tư cách pháp nhân kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đ.ký k.doanh	Không được quyền phát hành cổ phần	<p>_ <b>Chủ SH c.ty là tổ chức</b> ( ủy quyền cho 2 ng trở lên)</p> <p>+ HĐ t.viên</p> <p>+Chủ tịch HĐQT</p> <p>+ GD, TGD</p> <p>+ Kiểm soát viên</p> <p>_ <b>Chủ SH là cá nhân:</b></p> <p>+ Chủ tịch c.ty = Chủ sh c.ty</p> <p>+ GD ;</p>	<p>_ Pháp lý về TS : + có sự tách bạch giữa TS của chủ sh c.ty và TS c.ty</p> <p>_ <b>Chủ sh không được quyền rút vốn ĐL, chỉ được quyền chuyển nhượng</b> một phần or tất cả VDL</p> <p>_ Không được giảm VDL, chỉ được tăng VDL( Chủ sh góp thêm or huy động thêm vốn góp từ ng khác)</p>

					TGD	
<b>Công ty Cổ phần</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức, cá nhân</li> <li>Số lượng: <math>\geq 3</math> (ko hạn chế số lượng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông chịu TN hữu hạn trong phạm vi vốn góp của mình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có tư cách pháp nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Được quyền phát hành mọi loại chứng khoán</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>GĐ, TGD c.ty c.phần ko được quyền làm GĐ, TGD c.ty khác</li> <li>Đại diện theo PL: <ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ tịch HĐQT nếu điều lệ quy định</li> <li>GĐ, TGD nếu đ.lệ ko quy định</li> </ul> </li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đại HD cổ đông: gồm tất cả <b>cổ đông biểu quyết</b></li> <li>HD quản trị( 3 – 11 người, ko nhất thiết là cổ đông c.ty)</li> <li>Chủ tịch HĐQT :</li> <li>+ Do HĐQT bầu thì nhất thiết là cổ đông c.ty</li> <li>+ Do HĐQT bầu thì phải là Tv HĐQT</li> <li>GĐ, TGD: do HĐQT bầu</li> <li>Ban kiểm soát: bắt buộc với c.ty c.phần có trên 11 cổ đông là cá nhân or có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% số c.phần của c.ty</li> </ul>					
	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Quy chế p.lý về TS của c.ty cổ phần</b></li> <li>+ <b><u>C.phần phổ thông</u></b> ( bắt buộc): <ul style="list-style-type: none"> <li>→ c.phần phổ thông của cổ đông sáng lập được chuyển nhượng tự do cho các cổ đông sáng lập khác trong 3 năm đầu, và chỉ được chuyển nhượng cho ng khác nếu đc ĐHCĐ chấp nhận. Sau 3 thì tự do chuyển nhượng.</li> </ul> </li> <li>+ <b><u>C.phần ưu đãi</u></b> ( không bắt buộc) <ul style="list-style-type: none"> <li>→ <u>c.phần ưu đãi biểu quyết</u>: là c.phần có số biểu quyết nhiều hơn co với c.phần phổ thông. Cổ đông ưu đãi biểu quyết không được quyền chuyển nhượng tự do c.phần ưu đãi biểu quyết.</li> <li>→ <u>c.phần ưu đãi cổ tức</u>: là c.phần được trả mức cao hơn so với c.phần phổ thông. Cổ đông c.phần ưu đãi cổ tức ko được quyền biểu quyết, tham dự họp ĐHCĐ, đề cử ng vào HĐQT và B.kiểm soát</li> <li>→ <u>c.phần ưu đãi hoàn lại</u>: là c.phần được c.ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo y.cầu của cổ đông ưu đãi hoàn lại. Cổ đông ưu đãi hoàn lại</li> </ul> </li> </ul>					



	<p>cũng ko được quyền biểu quyết, tham dự họp ĐHĐCĐ, đề cử ng vào HĐQT và B.kiểm soát.</p> <p>_ C.ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông( nếu có)</p> <p>_ Mua lại cổ phần theo quyết định c.ty: C.ty có quyền mua lại 30% tổng số c.phần phổ thông đã bán, và một phần or toàn bộ số c.phần ưu đãi đã phát hành.</p> <p>_ Mua cổ phần: dùng VNĐ, Ngoại tệ, Vàng, Quyền s.dụng đất...</p> <p>_ Chào bán và chuyển nhượng cổ phần: do HĐQT quyết định thời điểm, p.thức và giá chào bán c.phần.</p> <p>_ Trả cổ tức: Lấy từ <b>Lợi nhuận giữ lại của c.ty</b>, có thể trả bằng TM, or cổ phần.</p>					
Công ty hợp danh	Thành viên	TN TS	Tư cách chủ thể	Gọi vốn	TC quản lý	Khác
	<p>_ Thành viên hợp danh: bắt buộc: Ít nhất 2 tv trở lên và là <b>cá nhân</b></p> <p>_ Thành viên góp vốn: Ko bắt buộc</p>	<p>_ <b>Thành viên hợp danh chịu TN về TS của mình về nghĩa vụ nợ của c.ty</b></p> <p>_ Tv góp vốn chịu TN hữu hạn trong</p>	<p>_ Có tư cách pháp nhân kể từ ngày nhận giấy đ.ký kinh doanh</p>	<p>_ Không được phát hành bất cứ loại CK nào</p>	<p>_ Hội đồng thành viên: gồm tất cả các tv của c.ty</p> <p>_ Chủ tịch HĐTV: do HĐTV bầu, có thể kiêm luôn GD, TGD nếu điều lệ ko quy định</p>	<p>_ Biểu quyết: các tv hợp danh có quyền biểu quyết ngang nhau, ko phụ thuộc vào số vốn góp.</p> <p>_ Thành viên hợp danh ko được làm chủ Dn tư nhân khác, or là tv hợp danh của c.ty hợp danh khác nếu chưa có sự chấp thuận của các tv hợp danh khác.</p>

		phạm vi <b>vốn đã góp</b>	<p>_ C.ty có thể tiếp nhận tv hợp danh mới or tv góp vốn mới nếu HĐTV chấp nhận.</p> <p>_ Tv hợp danh ko được chuyển nhượng số vốn góp nếu ko được sự chấp thuận của HĐTV; Tv góp vốn lại được quyền chuyển nhượng vốn góp cho ng khác</p> <p>_ Tv hợp danh quyền quản lý hđ của c.ty, được tham gia biểu quyết; TV góp vốn ko được quyền tham gia biểu quyết quản lý công ty.</p>
--	--	----------------------------------	--

#### 4. DN tư nhân

Công ty	Thành viên	TN TS	Tư cách chủ thể	Gọi vốn	TC quản lý	Khác
<b>DN tư nhân</b>	Do 1 cá nhân làm chủ	Chủ dn tư nhân chịu TN vô hạn về TS trong kinh doanh.	DN tư nhân không có tư cách pháp nhân → do ko có sự tách bạch giữa TS của chủ DN tư nhân và DN	Không được phát hành bất cứ CK nào	Chủ DN tư nhân quản lý toàn bộ DN	<p>_ chủ DN tư nhân là đại diện theo pháp luật của DN tư nhân</p> <p>_ Mỗi cá nhân chỉ được phép thành lập 1 DN tư nhân</p>

## Tổ chức lại, Giải thể, Phá sản DN

### 1. Tổ chức lại DN

\_ Có 5 hình thức tổ chức lại DN: chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi, sát nhập DN

#### a. Chia DN:

\_ Công ty TNHH và C.ty Cổ phần thì có thể được chia thành các công ty cùng loại. Nhưng công ty bị chia sẽ **chấm dứt sự tồn tại** khi công ty mới được đăng ký.

#### b. Tách DN

\_ Công ty TNHH và C.ty Cổ phần có thể tách bằng cách chuyển TS của công ty hiện có để thành lập một or một số công ty mới cùng loại mà **không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại** của c.ty bị tách.

#### c. Hợp nhất DN

\_ 2 hay nhiều công ty cùng loại có thể hợp nhất thành 1 công ty bằng cách chuyển toàn bộ TS, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty mới. Đồng thời sẽ **chấm dứt sự tồn tại** của các c.ty hợp nhất

#### d. Sát nhập DN

\_ một hoặc một số DN cùng loại có thể sát nhập vào công ty khác bằng cách chuyển toàn bộ TS, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang cho công ty sát nhập. Đồng thời **chấm dứt sự tồn tại** của các công ty sát nhập.

#### e. Chuyển đổi DN:

\_ C.ty TNHH có thể chuyển đổi sang C.ty Cổ phần và Ngược lại.

### 2. Giải thể DN

\_ **Điều kiện giải thể:**

- + Kết thúc thời gian hoạt động ghi ở điều lệ và ko gia hạn
- + Theo quyết định của chủ DN tư nhân đối với DN tư nhân; Hội đồng thành viên, chủ sở hữu c.ty đối với c.ty TNHH; Đại hội đồng cổ đông đối với c.ty cổ phần; tất cả Tv hợp danh đối với c.ty hợp danh.
- + C.ty ko đủ thành viên tối thiểu trong vòng 6 tháng liên tục
- + Bị thu hồi giấy chứng nhận đ.ký k.doanh

## 5. Các loại chủ thể kinh doanh khác

Loại hình	Thành viên	TN TS	Tư cách chủ thể	Gọi vốn	Tổ chức quản lý
<b>Hợp tác xã</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tối thiểu là 7</li> <li>_ Là các cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Chế độ trách nhiệm hữu hạn về TS trong KD</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Có tư cách pháp nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Đóng góp : góp vốn + <b><i>góp sức</i></b> của xã viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Đại hội xã viên : cơ quan có quyền lực cao nhất</li> <li>_ Ban quản trị và chủ nhiệm HTX : do đại hội xã viên trực tiếp bầu ra.</li> <li>_ Ban kiểm soát HTX : do đại hội xã viên trực tiếp bầu ra.</li> </ul>
<p>_ Các quy chế khác :</p> <p>+ <b><i>Vốn góp 1 xã viên ≤ 30% vốn điều lệ</i></b>, xã viên có thể góp 1 lần or nhiều lần.</p> <p>+ <b><i>Đại diện theo PL của HTX : Trưởng ban quản trị</i></b></p> <p>+ Nơi đ.ky kinh doanh : cơ quan đ.ký kinh doanh cấp tỉnh or huyện tùy HTX.</p> <p>+ Xóa tên HTX ở sở đăng ký KD : HTX đăng ký kinh doanh ở đâu thì xóa tên ở đó.</p>					
<b>Hộ kinh doanh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Do 1 cá nhân là công dân Vn or một nhóm người or một hộ gia đình làm chủ</li> <li>_ Số l.động ≤ 10</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Chủ sở hữu có <b><i>TN vô hạn về TS trong kinh doanh</i></b></li> </ul>	<p>_ Quy định khác :</p> <p>+ Hộ kinh doanh <b><i>không có con dấu</i></b></p> <p>+ Chỉ được đăng ký kinh doanh tại 1 địa điểm</p> <p>+ Chỉ đăng ký ở cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện</p>		



## Chương 3: PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG

(Nguồn: HSV-HVTC)

### 1. Những vấn đề chung về hợp đồng

\_ Hợp đồng là sự thỏa thuận, thống nhất ý chí giữa các bên chủ thể nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng.

\_ Đặc điểm của hợp đồng:

+ là sự thỏa thuận giữa các bên: thể hiện quyền tự do bày đặt ý chí của các bên.

+ là cơ sở làm phát sinh thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia hợp đồng:

\_ Phân loại: giáo trình

→ hợp đồng có yếu tố nước ngoài và không có yếu tố nước ngoài: Ví dụ: DN ở VN 100% vốn nước ngoài ký kết hợp đồng với Dn 100% vốn trong nước : không phải là hợp đồng có yếu tố quốc tế.

### 2. Những vấn đề chung về pháp luật hợp đồng

\_ Pháp luật hợp đồng là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giao kết, thực hiện, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng và xử lý các vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật hợp đồng.

#### a. Pháp luật về giao kết hợp đồng:

- Nguyên tắc giao kết hợp đồng:
  - + tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật và đạo đức xã hội
  - + tự nguyện, bình đẳng giao kết
- Chủ thể hợp đồng: cá nhân, pháp nhân và chủ thể khác

Cá Nhân	Pháp nhân	Chủ thể khác
<ul style="list-style-type: none"> <li>_ <math>\geq 18</math> tuổi</li> <li>_ đủ năng lực h.vi dân sự và năng lực pháp luật</li> <li>→ <i>Nếu chưa có or ko có năng lực h.vi dân sự thì ko được trực tiếp tham gia giao kết HĐ phải có ng đại diện theo PL xác lập và thực hiện.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Pháp nhân: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế...</li> <li>_ <i>Pháp nhân tham gia giao kết HĐ thông qua h.vi của đại diện hợp pháp</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ hộ gia đình, hộ kinh doanh...</li> <li>_ <i>Giao kết hợp đồng của hộ gia đình, hộ kinh doanh thông qua h.vi của ng đại diện của họ.</i></li> </ul>

- Nội dung của hợp đồng: là các khoản mà các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng.
- Hình thức hợp đồng: là phương tiện mà các bên sử dụng để ghi nhận các điều khoản trong HĐ. Có thể là lời nói, văn bản, #...
- Các điều kiện có hiệu lực của HĐ: 3 điều kiện:
  - + Ng tham gia hợp đồng có đủ năng lực h.vi dân sự
  - + Mục đích và nội dung của HĐ không vi phạm PL và đạo đức xã hội

+ Các bên tham gia HĐ hoàn toàn tự nguyện

## b. Pháp luật về thực hiện HĐ

- Nguyên tắc thực hiện HĐ:
  - + Thực hiện đúng HĐ, đúng đối tượng, chất lượng, chủng loại, thời hạn...
  - + Thực hiện 1 cách trung thực, theo tinh thần hợp tác và có lợi nhất cho các bên
  - + Không xâm hại đến lợi ích nhà nước, công cộng và của ng khác
- **Các biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ:**
  - + Đ/n: là sự thỏa thuận giữa các bên về việc áp dụng các biện pháp dự phòng để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ HĐ, ngăn ngừa và khắc phục những hậu quả của h.vi vi phạm HĐ gây ra.
  - + Các biện pháp cơ bản: **7 biện pháp cơ bản**

Các biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ	Đặc điểm
<b>Cầm cố TS</b>	_ Là việc bên cầm cố <b>giao TS thuộc sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</b> _ TS cầm cố: động sản or các giấy tờ có giá _ Hình thức: phải lập văn bản or là điều khoản ở HĐ chính. _ Thời hạn cầm cố: thỏa thuận
<b>Thế chấp TS</b>	_ Là việc bên thế chấp dùng TS thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện HĐ, <b>không có sự chuyển giao TS</b> cho bên nhận thế chấp. _ TS thế chấp: động sản, BĐS, TS tương lai. _ Hình thức: phải lập văn bản or là điều khoản ở HĐ chính. _ Thời hạn thế chấp: do bên thỏa thuận
<b>Đặt cọc</b>	_ Là việc 1 bên giao cho bên kia 1 khoản tiền, or vật có giá để đảm bảo thực hiện HĐ _ TS đặt cọc: tiền, đá quý, các vật có giá khác _ Hình thức: phải lập văn bản
<b>Ký cược</b>	_ là việc bên thuê TS là động sản giao cho bên cho thuê 1 khoản tiền or vật có giá trong một thời hạn để đảm bảo thực hiện HĐ
<b>Ký quỹ</b>	_ là việc bên có nghĩa vụ gửi 1 khoản tiền, vật có giá vào TK phong tỏa ở một NH để đảm bảo thực hiện HĐ
<b>Bảo lãnh</b>	_ là việc bên thứ 3 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ với bên có quyền nếu như bên có nghĩa vụ không thực hiện or thực hiện

	không đúng nghĩa vụ _ phạm vi bảo lãnh: có thể nhận bảo lãnh 1 phần or toàn bộ nghĩa vụ được b.lãnh
<b>Tín chấp</b>	_ là việc 1 tổ chức xã hội bảo đảm cho cá nhân, hộ nghèo vay 1 khoản tiền tại NH or TC tín dụng để sx, k.doanh... _ <b>là hình thức không bảo đảm bằng TS</b> _ Hình thức: phải lập văn bản

### c. Pháp luật về sửa đổi, hủy bỏ và chấm dứt HĐ

Hình thức	Đặc điểm
<b>Sửa đổi HĐ</b>	_ là việc các bên đã tham gia hợp đồng thỏa thuận thay đổi 1 số điều khoản của HĐ đã giao kết _ Thực hiện: Thực hiện các điều khoản không bị sửa đổi + Thực hiện điều khoản đã được sửa đổi.
<b>Hủy bỏ HĐ</b>	_ là việc 1 bên bãi bỏ hoàn toàn or một phần nghĩa vụ hợp đồng _ Áp dụng: xảy ra khi 1 bên vi phạm nghĩa vụ HĐ, thì HĐ có thể bị hủy bỏ bởi bên bị vi phạm.
<b>Chấm dứt HĐ</b>	_ Trường hợp xuất hiện: + HĐ hoàn thành + Chấm dứt theo thỏa thuận các bên + Cá nhân giao kết HĐ chết + HĐ chấm dứt khi hủy bỏ + HĐ chấm dứt khi 1 bên đơn phương chấm dứt + HĐ chấm dứt khi HĐ ko thể t\hiện được do đối tượng của HĐ không còn,... + Tr hợp khác

### 3. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm HĐ

- Trách nhiệm pháp lý do vi phạm HĐ là sự gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi của bên vi phạm HĐ đối với bên bị vi phạm.
- Đặc điểm:
  - + Cơ sở pháp lý của phạt vi phạm HĐ là có 1 bên có h.vi vi phạm HĐ
  - + Chủ thể gánh chịu trách nhiệm: bên bị phạm nghĩa vụ HĐ
  - + Hình thức trách nhiệm phạt vi phạm HĐ đa dạng
- Các hình thức trách nhiệm pháp lý do vi phạm HĐ

Hình thức	Đặc điểm
<b>Hình thức trách nhiệm có liên quan đến thực hiện HĐ</b>	_ Áp dụng 2 hình thức: + Buộc thực hiện đúng nghĩa vụ HĐ + Buộc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ HĐ
<b>Phạt vi phạm HĐ</b>	_ là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi

	<p>phạm trả một khoản tiền nhất định do PL định or do các bên thỏa thuận.</p> <p>_ Điều kiện áp dụng:</p> <p>+ các bên có thỏa thuận trong HĐ về áp dụng chế tài phạt vi phạm HĐ</p> <p>+ Một bên vi phạm nghĩa vụ trong HĐ</p> <p>_ Mức tiền phạt: do 2 bên thỏa thuận và bị hạn chế bởi luật. <math>\leq 8\%</math> giá trị HĐ bị vi phạm</p> <p><b><i>_ Loại hình thức vi phạm bằng vật chất.</i></b></p>
<b>Bồi thường thiệt hại</b>	<p>_ là việc bên vi phạm bồi thường những thiệt hại vật chất do h.vi vi phạm HĐ gây ra cho bên vi phạm</p> <p>_ Điều kiện áp dụng:</p> <p>+ Một bên vi phạm nghĩa vụ HĐ</p> <p>+ Xác định được thiệt hại thực tế của bên bị vi phạm</p> <p>+ Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và vi phạm HĐ</p> <p>_ Muốn được bồi thường thì bên bị vi phạm phải chứng được có tổn thất và mức tổn thất</p> <p>_ Mức bồi thường: toàn bộ thiệt hại</p> <p>–</p>

- Các trường hợp được miễn vi phạm pháp lý do vi phạm HĐ:
- là việc bên vi phạm nghĩa vụ HĐ không phải chịu các hình thức trách nhiệm nếu thuộc các trường hợp sau:
  - + Tr hợp do các bên thỏa thuận:
  - + Sự kiện bất khả kháng
  - + Vi phạm HĐ của một bên là do lỗi hoàn toàn của bên kia
  - + Vi phạm HĐ của một bên là do thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.

#### 4. Hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu

- \_ Hợp đồng vô hiệu là thỏa thuận của các bên không thỏa mãn các đk có hiệu lực của HĐ, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa họ.
- \_ Phân loại: Hợp đồng vô hiệu toàn phần và hợp đồng vô hiệu từng phần
- \_ Hậu quả pháp lý:
  - + HĐ vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm giao kết HĐ**
  - + TS giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bất hợp pháp bị tịch thu theo quy định của PL
  - + Các bên khôi phục lại trạng thái ban đầu, hoàn trả cho nhau những TS đã nhận.



## 5. Hợp đồng mua bán hàng hóa

\_ K\l: g.trình

\_ Đặc điểm:

- + chủ thể tham gia HĐ mua bán hàng hóa: bên mua - bên bán
- + đối tượng của HĐ mua bán hàng hóa: hàng hóa: gồm các động sản và vật gắn liền với đất đai ( được phép giao dịch trên thị trường)
- + hình thức: lời nói, văn bản hay hành vi cụ thể của các bên

\_ Nội dung của HĐ mua bán hàng hóa:

- + Chủ thể trong quan hệ HĐ:
- + Đối tượng của HĐ: điều khoản quan trọng nhất
- + Giá cả, phương thức thanh toán, địa điểm, thời gian thanh toán
- + Thời hạn địa điểm p.thức giao hàng
- + Quyền, nghĩa vụ các bên
- + Bảo hành hàng hóa
- + Trách nhiệm do vi phạm HĐ
- + ...

## 6. Hợp đồng lao động

\_ K\l: gt

\_ Đặc điểm:

- + chủ thể tham gia: người lao động và người sử dụng lao động
- Người lao động:  $\geq 15$  tuổi, nếu nhỏ hơn 15 tuổi thì phải có văn bản đồng ý của cha mẹ hoặc ng giám hộ
- Người sử dụng l\động: cá nhân, tổ chức. Cá nhân phải trên 18 tuổi và các đk thuê, s.dụng l\động
- + đối tượng của HĐ lao động: việc làm có trả công
- + HĐ được hình thành do sự thỏa thuận giữa ng lao động và ng sử dụng lao động
- + HĐ thể hiện sự phụ thuộc pháp lý giữa ng lao động và ng sử dụng lao động

\_ Nội dung: g.trình

Bổ sung phần Nội dung mà mình sưu tầm được (có trích Luật):

### Chương 3: PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG

#### 1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng:

##### a) K/n:

- Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về một vấn đề cụ thể nhằm làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên đối với nhau.
- Bản chất của hợp đồng: sự thỏa thuận, thống nhất ý chí giữa các bên chủ thể nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng.

##### b) Đặc điểm:

- Hợp đồng là sự thỏa thuận của các bên khi tham gia vào quan hệ hợp đồng
- Nội dung của hợp đồng quy định quyền và nghĩa vụ pháp lý cho mỗi bên
- Sự thỏa thuận là cơ sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý cho mỗi bên

Điều 346 Bộ luật Dân sự 1995 quy định: "Thế chấp tài sản là việc bên có nghĩa vụ dùng tài sản là bất động sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền", nhưng đến Bộ luật Dân sự 2005 thì quy định về thế chấp đã có sự thay đổi, Điều 342 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: "Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)". So sánh các khái niệm trên ta thấy ý đồ của nhà làm luật rất rõ ràng khi xây dựng khái niệm thế chấp trong Bộ luật Dân sự 2005 đã bỏ đi cụm từ chỉ bên thế chấp là "bên có nghĩa vụ" được quy định trong Bộ luật Dân sự 1995. Rõ ràng, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 thì bên thế chấp không nhất thiết là "bên có nghĩa vụ". Nghiên cứu Bộ luật Dân sự 2005 ta không thấy nội dung nào quy định thế chấp là việc một bên mang tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của chính mình đối với phía bên kia. Do vậy, hiểu một cách chính xác, quan hệ "thế chấp" được quy định tại Bộ luật Dân sự 2005 sẽ xảy ra trong hai trường hợp:

+ Trường hợp thứ nhất: Thế chấp là việc dùng tài sản của mình đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình đối với bên có quyền.

+ Trường hợp thứ hai: Thế chấp là việc dùng tài sản của mình đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự của người khác đối với bên có quyền.

Điều 366 Bộ luật Dân sự 1995 quy định: "1- Bảo lãnh là việc người thứ ba (gọi là người bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (gọi là người nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (gọi là người được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; 2- Người bảo lãnh chỉ được bảo lãnh bằng tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc bằng việc thực hiện công việc". Đến Bộ luật Dân sự 2005 quy định về bảo lãnh đã có sự thay đổi, cụ thể: Điều 361 quy định "Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không

đúng nghĩa vụ". Ta thấy rằng Bộ luật Dân sự 1995 quy định người bảo lãnh hoặc chỉ định tài sản cụ thể của mình để đảm bảo cho thực hiện nghĩa vụ, hoặc bảo lãnh bằng việc thực hiện thay nghĩa vụ. Như vậy biện pháp bảo lãnh được quy định tại Bộ luật Dân sự 1995 có thể là biện pháp bảo đảm đối vật hoặc có thể là biện pháp bảo đảm đối nhân. Đến Bộ luật Dân sự 2005 thì không thấy có quy định nào về việc người bảo lãnh chỉ định tài sản cụ thể để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ, mà chỉ có quy định bảo lãnh bằng việc thực hiện thay nghĩa vụ. Như vậy, biện pháp bảo lãnh được quy định tại Bộ luật Dân sự 2005 chỉ có thể là biện pháp bảo đảm đối nhân. Hay nói cách khác, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 bảo lãnh chỉ áp dụng trong trường hợp bên bảo lãnh không chỉ định một tài sản cụ thể nào của mình để đảm bảo cho cam kết thực hiện nghĩa vụ. Nếu bên bảo lãnh chỉ định một tài sản cụ thể nào đó làm tài sản đảm bảo, lúc này giao dịch sẽ trở thành cầm cố hay thế chấp.

Từ phân tích trên thấy rằng, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005, quan hệ bảo lãnh và quan hệ thế chấp không phải được phân biệt bằng việc xem xét quan hệ đó có hai hay ba bên tham gia, mà điểm cơ bản để phân biệt quan hệ bảo lãnh và quan hệ thế chấp là: quan hệ bảo lãnh là quan hệ đảm bảo thực hiện nghĩa vụ không có chỉ định tài sản cụ thể đảm bảo, mà biện pháp đảm bảo chính là thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được đảm bảo, còn quan hệ thế chấp là quan hệ đảm bảo thực hiện nghĩa vụ có chỉ định tài sản cụ thể để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

## VII- BẢO LÃNH

### Điều 361. Bảo lãnh

Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các bên cũng có thể thoả thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.

### Điều 362. Hình thức bảo lãnh

Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực.

### Điều 363. Phạm vi bảo lãnh

Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.

Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

### Điều 364. Thù lao

Bên bảo lãnh được hưởng thù lao nếu bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh có thoả thuận.



**Điều 365. Nhiều người cùng bảo lãnh**

Khi nhiều người cùng bảo lãnh một nghĩa vụ thì họ phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập; bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người bảo lãnh liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.

Khi một người trong số những người bảo lãnh liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì có quyền yêu cầu những người bảo lãnh còn lại phải thực hiện phần nghĩa vụ của họ đối với mình.

**Điều 366. Quan hệ giữa bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh**

1. Bên nhận bảo lãnh không được yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi nghĩa vụ chưa đến hạn.
2. Bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bên nhận bảo lãnh có thể bù trừ nghĩa vụ với bên được bảo lãnh.

**Điều 367. Quyền yêu cầu của bên bảo lãnh**

Khi bên bảo lãnh đã hoàn thành nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi bảo lãnh, nếu không có thoả thuận khác.

**Điều 368. Miễn việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**

1. Trong trường hợp bên nhận bảo lãnh miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo lãnh thì bên được bảo lãnh vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
2. Trong trường hợp chỉ một người trong số nhiều người cùng nhận bảo lãnh liên đới được miễn việc thực hiện phần nghĩa vụ bảo lãnh của mình thì những người khác vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của họ.

**Điều 369. Xử lý tài sản của bên bảo lãnh**

Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh, mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh.

**Điều 370. Huỷ bỏ việc bảo lãnh**

Việc bảo lãnh có thể được huỷ bỏ nếu được bên nhận bảo lãnh đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Điều 371. Chấm dứt việc bảo lãnh**

Việc bảo lãnh chấm dứt trong các trường hợp sau đây:



1. Nghĩa vụ được bảo đảm bằng bảo lãnh chấm dứt;
2. Việc bảo lãnh được huỷ bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác;
3. Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;
4. Theo thoả thuận của các bên.

## VIII- TÍN CHẤP

**Điều 372.** Bảo đảm bằng tín chấp của tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở có thể bảo đảm bằng tín chấp cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay một khoản tiền tại ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác để sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ theo quy định của Chính phủ.

**Điều 373.** Hình thức bảo đảm bằng tín chấp

Việc cho vay có bảo đảm bằng tín chấp phải được lập thành văn bản có ghi rõ số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người vay, ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay và tổ chức bảo đảm.

So sánh ký cược và cầm cố:

Tiêu chí so sánh	Ký cược	Cầm cố
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự</li> <li>- Có sự chuyển giao tài sản bảo đảm</li> <li>- Tài sản bảo đảm có giá trị thanh khoản cao</li> </ul>	
Khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng đối với hợp đồng thuê tài sản là động sản</li> <li>- chủ yếu chuyển giao tài sản ký cược dưới dạng tiền</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng đối với tất cả các giao dịch dân sự</li> <li>- chủ yếu chuyển giao tài sản dưới dạng vật để được</li> </ul>

	<p>để sử dụng tài sản thuê;</p> <p>- giá trị tài sản ký cược ít nhất là bằng giá trị tài sản thuê;</p> <p>- xử lý tài sản ký cược khi có sự vi phạm nghĩa vụ: tài sản ký cược được chuyển quyền sở hữu sang bên thuê.</p>	<p>nhận lợi ích vật chất dưới dạng tiền.</p> <p>- giá trị tài sản cầm cố thông thường lớn hơn giá trị nghĩa vụ cần bảo đảm</p> <p>- xử lý tài sản cầm cố khi có sự vi phạm nghĩa vụ: theo thoả thuận hoặc bán đấu giá theo quy định của pháp luật</p>
--	---	---

So sánh kí cược và đặt cọc

Tiêu chí so sánh	Ký cược	Đặt cọc
Giống	<p>- có sự chuyển giao tài sản bảo đảm.</p> <p>- tài sản bảo đảm thường tồn tại dưới dạng tiền.</p>	
Khác	<p>- mục đích: bảo đảm việc trả lại tài sản thuê.</p>	<p>- mục đích: bảo đảm cho giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.</p> <p>- giá trị tài sản</p>

	<p>- Giá trị tài sản ký cược ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản thuê.</p> <p>- Hậu quả bất lợi chỉ áp dụng cho bên thuê tài sản nếu vi phạm nghĩa vụ trả lại tài sản thuê</p>	<p>đặt cọc thấp hơn giá trị hợp đồng cần bảo đảm.</p> <p>- hậu quả bất lợi được áp dụng với cả 2 bên trong quan hệ nếu có lỗi: phải mất một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc.</p>
--	---	---



## Chương 4: PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN

(Nguồn: HSV-HVTC có chỉnh sửa và bổ sung)

### 1. Khái niệm chung về phá sản

- Luật phá sản 2004: Doanh nghiệp và HTX không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản.
- Đặc điểm:
  - + Dấu hiệu của phá sản là việc mất khả năng thanh toán nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu
  - + Thủ tục phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể đc thực hiện bởi cq nhân danh quyền lực tư pháp của NN, đó là TAND
  - + Thủ tục giải quyết phá sản là thủ tục tố tụng đặc biệt
- Hậu quả pháp lý: DN, HTX bị chấm dứt sự tồn tại khi Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản.
- Phân loại: giáo trình

### 2. Pháp luật phá sản

- **K/n:** PL phá sản là tổng thể các QPPL do NN ban hành nhằm điều chỉnh QHXX phát sinh trong qt giải quyết yêu cầu phá sản DN, HTX.
- **Phạm vi:** điều chỉnh chủ yếu 2 nhóm QHXX sau:
  - Nhóm qhxx phát sinh giữa các chủ nợ, DN và HTX
  - Nhóm qhxx phát sinh giữa cq tố tụng với các đương sự trong qt giải quyết
- **Nội dung của PL phá sản:** Xem GT
- **Vai trò của PL phá sản:**
  - PL phá sản bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ nợ, là cơ sở pháp lý để các chủ nợ thực hiện việc đòi nợ một cách hợp pháp.
  - PL phá sản bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho DN, HTX mắc nợ, tạo cơ hội cho các DN, HTX lâm tình trạng phá sản phục hồi hoạt động kd hoặc rút khỏi thương trường một cách hợp pháp.
  - PL phá sản bảo vệ lợi ích cho người lđ.
  - PL phá sản góp phần tạo động lực cạnh tranh, góp phần cơ cấu lại nền kt.

### 3. Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản

#### a. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

- Các chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản: Chủ nợ, Ng lao động, Chủ sở hữu DN, Cổ đông C.ty cổ phần, T.viên hợp danh của c.ty hợp danh.
- Chủ thể có trách nhiệm thông báo DN, HTX lâm vào tình trạng phá sản: Tòa án ND, Viện kiểm sát ND, Cơ quan thanh tra...

#### b. Thụ lý đơn:

- Thẩm quyền thụ lý đơn và tiến hành thủ tục phá sản là của **Tòa án nhân dân**
- **DN, HTX đăng ký kinh doanh ở cấp nào thì được Tòa án nhân dân cấp đó thụ lý đơn và tiến hành thủ tục phá sản cho DN, HTX**



- Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản kể từ ngày nộp đơn xuất trình biên lai nộp tiền tạm ứng phí phá sản và thông báo cho DN, HTX
- c. Mở thủ tục phá sản
- Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án xem xét và ra quyết định mở thủ tục phá sản hay không trong vòng **30 ngày**.
- Hệ quả pháp lý:
  - + Cùng với việc q/định mở thủ tục phá sản, thì Thẩm phán ra quyết định thành lập tổ quản lý tài sản, thanh lý tài sản.
  - + Quyền đòi nợ các chủ nợ: Các chủ nợ có quyền đòi nợ và gửi giấy đòi nợ đến Tòa án trong vòng 60 ngày. Nếu không gửi giấy đòi nợ thì họ bị khước từ quyền đòi nợ.
  - + DN, HTX vẫn hoạt động bình thường kể cả khi có quyết định mở thủ tục phá sản.
- ...

#### 4. Thủ tục triệu tập HN chủ nợ:

- Hội nghị chủ nợ do Thẩm phán triệu tập để quyết định sự tồn tại hay chấm dứt hđ của DN, HTX lâm vào tình trạng phá sản.

#### 5. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

- Phục hồi hoạt động kinh doanh là việc cho DN, HTX bị phá sản có cơ hội và điều kiện để tổ chức lại hoạt động kinh doanh, giúp DN, HTX có thể vượt qua nguy cơ phá sản
- **Điều kiện:**
  - + Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất phải được tổ chức hoàn thành
  - + Hội nghị chủ nợ lần 1 phải thông qua giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, kế hoạch thanh toán nợ.
- **Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh:**

1. Thông qua p.án phục hồi hđ KD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm phán xem xét p.án phục hồi trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận p.án phục hồi để đưa ra hội nghị chủ nợ</li> <li>- 10 ngày kể từ ngày đưa ra hội nghị chủ nợ, Thẩm phán phải triệu tập hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua</li> <li>- Nghị quyết thông qua khi quá nửa chủ nợ không có bảo đảm chiếm 2/3 tổng nợ tán thành.</li> </ul>
2. Thời hạn thực hiện phục hồi hđ KD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa là 3 năm kể từ ngày quyết định thông qua phương án phục hồi hđ kinh doanh.</li> </ul>
3. Công nhận nghị quyết về p.án phục hồi hđ KD và giám sát thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 6 tháng/lần DN, HTX phải gửi Tòa án các báo cáo về tình hình thực hiện</li> <li>- Sau khi kết thúc giai đoạn phục hồi thì Tòa án sẽ quyết định: <b><i>Đình chỉ thủ tục phục hồi hđ KD or mở thủ tục thanh lý TS</i></b></li> </ul>

- **Thủ tục đình chỉ thủ tục phục hồi hđ KD và Thủ tục thanh lý TS**

<b>Đình chỉ thủ tục phục hồi hđ KD</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quyết định này coi như <b>DN, HTX đã không còn lâm vào tình trạng phá sản</b></li> <li>- Tòa án ra quyết định này trong trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ DN, HTX đã thực hiện xong p.án phục hồi hđ KD</li> <li>+ Quá nửa các chủ nợ ko bảo đảm chiếm 2/3 tổng nợ tán thành</li> </ul> </li> </ul>
<b>Thủ tục thanh lý TS, các khoản nợ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Không áp dụng cho HTX</b></li> <li>+ Áp dụng khi DN kinh doanh thua lỗ, cùng NN đã áp dụng các b.pháp đặc biệt mà vẫn không phục hồi được.</li> <li>+ Tòa án ra q.định khi hội nghị chủ nợ không thành</li> </ul> </li> </ul>

- Phân chia trị giá TS còn lại của DN, HTX mắc nợ:

+ ***Ưu tiên trả nợ cho các chủ nợ có đảm bảo***

→ Được ưu tiên theo các thứ tự sau:

1. Chi phí phá sản
2. Trả nợ cho người lao động
3. Trả cho chủ nợ không có bảo đảm trong DS (**tính gồm khoản thuế và phải nộp NN**)
4. Phần còn lại thuộc về chủ sở hữu.

## Chương 5: PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH

### 1. Khái niệm, đặc điểm:

#### - K/n:

Tranh chấp trong KD là sự bất đồng chính kiến, mâu thuẫn hay xung đột về mặt lợi ích, về quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa các chủ thể tham gia vào các quan hệ KD.

#### - Đ/d:

- Phản ánh những bất đồng chính kiến, xung đột về lợi ích kt, q và nv phát sinh hoặc sự bất đồng về 1 ht pháp lí phát sinh giữa các chủ thể tham gia vào các quan hệ KD.
- Luôn gắn liền với các hđ kd của các chủ thể, phát sinh trong quá trình thực hiện liên tục 1, 1 số hoặc toàn bộ qt đầu tư, sx đến tiêu thụ sp, dịch vụ trên thị trường.
- Ít nhất 1 bên chủ thể tranh chấp là chủ thể kd, chủ yếu là DN.

### 2. Phân loại: (Xem GT)

### 3. Giải quyết tranh chấp trong kd

- Giải quyết tranh chấp trong kd là việc lựa chọn phương thức thích hợp để loại trừ các bất đồng, mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa các bên tranh chấp.

#### - Các pt phổ biến:

- Thương lượng
- Hòa giải
- Giải quyết bằng trọng tài
- Giải quyết bằng Tòa án

### 1. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH BẰNG THƯƠNG LƯỢNG

- K/n: Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp trong kd mà ko cần đến vai trò của bên thứ 3. Khi có tranh chấp các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận để tự giải quyết
- Ưu điểm: tiết kiệm về thời gian và tiền bạc, giữ được uy tín và bí mật kd
- Đặc điểm:
  - Các bên tự giải quyết tranh chấp thương lượng, bàn bạc mà ko cần có sự tham gia của bên thứ 3
  - Kết quả thương lượng phụ thuộc vào thiện chí của các bên.
  - Kết quả là những cam kết trong biên bản thỏa thuận giữa các bên về giải pháp cụ thể để loại trừ xung đột.

### 2. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH BẰNG PHƯƠNG THỨC HÒA GIẢI

- K/n: Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp trong kd có sự tham gia của bên thứ 3 độc lập, do 2 bên tranh chấp cùng chỉ định hay chấp nhận, giữ vai trò trung gian hỗ trợ cho các bên tìm kiếm những giải pháp phù hợp để giải quyết tranh chấp.
- Đặc điểm:
  - Hòa giải dựa trên cơ sở tự do ý chí của các bên tranh chấp có sự tham gia của bên thứ 3
  - Bên thứ 3 ko phải là đại diện của bất kì bên nào và cũng ko có quyền phán xét

- Kết quả phụ thuộc vào sự thiện chí của các bên tranh chấp và uy tín, kinh nghiệm, kỹ năng của bên thứ 3 độc lập làm trung gian hòa giải.
- Người đưa ra quyết định cuối cùng trong quá trình hòa giải không phải là người trung gian mà là các bên tranh chấp
- Do t/c tự nguyện nên nếu không đạt được thỏa thuận thì qt hòa giải sẽ chấm dứt
- Có 2 ht: tự thỏa thuận với nhau về hòa giải; theo quy tắc hòa giải của 1 t/c nghề nghiệp hoặc 1 t/c trọng tài nào đó.

### 3. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH BẰNG TRỌNG TÀI

#### - Khái niệm:

Giải quyết tranh chấp trong KD bằng trọng tài là pt giải quyết tranh chấp thông qua hd của trọng tài viên, với tư cách là bên thứ 3 độc lập nhằm chấm dứt xung đột bằng việc đưa ra phán quyết buộc các bên tranh chấp phải thực hiện.

#### - Đặc điểm:

- Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại là pt giải quyết tranh chấp được thực hiện bởi trọng tài viên hoặc các t/c xh nghề nghiệp.
- Trọng tài giải quyết tranh chấp trong kd trên cơ sở thỏa thuận của các bên.
- Bảo đảm tối đa quyền tự định đoạt của các bên đương sự
- Bảo đảm sự kết hợp giữa các yếu tố thỏa thuận và tài phán.

#### - TỔ CHỨC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI:

#### - THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI

#### - NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

#### - ĐIỀU KIỆN -----

#### - THỦ TỤC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI:

- **Thỏa thuận trọng tài:**
  - Là sự thống nhất ý chí giữa các bên cam kết giải quyết bằng trọng tài các tranh chấp đã phát sinh hoặc có thể phát sinh
  - Có thể đề xác lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp, thể hiện rõ ý chí của các bên đồng ý giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài.
  - Trọng tài chỉ giải quyết khi thỏa thuận của trọng tài có hiệu lực
- **Khởi kiện giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài:**
  - Là việc 1 bên tranh chấp (nguyên đơn) viết đơn kiện yêu cầu trọng tài giải quyết vụ tranh chấp.
- **Thành lập HĐ Trọng tài tại TT Trọng tài hoặc HĐ Trọng tài do các bên tự thành lập**
- **Phiên họp giải quyết tranh chấp**
- **Quyết định trọng tài và thi hành quyết định trọng tài**
- **Giải quyết vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài**

### 4. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH BẰNG TÒA ÁN

- K/n: Giải quyết tranh chấp trong kd bằng tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua hd của cq tài phán NN, nhân danh quyền lực NN để đưa ra phán quyết, buộc các bên có nghĩa vụ thi hành.

#### - Đặc điểm:

- TA chỉ giải quyết khi có yêu cầu và thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của TA



- Phán quyết của TA buộc các bên phải thi hành, kể cả bằng cưỡng chế NN
- TA giải quyết theo 1 trình tự, thủ tục tổ tụng chặt chẽ do PL qđ.



## Chương 6: PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH

### 1. Khái niệm:

- **PL tài chính** là hệ thống các QPPL, điều chỉnh các QHXXH phát sinh trong các hđ TC của các chủ thể, nhằm thiết lập, duy trì 1 TTXH nhất định đvs các hđ TC.
- Phương pháp điều chỉnh:
  - PP mệnh lệnh
  - PP thỏa thuận
- **QPPL TC** là các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do NN (thông qua cá CQNN) đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các QHXXH phát sinh trong qt tạo lập, quản lí, sd các quỹ tiền tệ của các chủ thể.

### 2. Nội dung: Xem GT PLKT ☺



